

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LATCA
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LATCA
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27

7
1
N
H
Á
T
T
H
H
30
C
D
V
I
Y
E

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LATCA

15A lô 10a Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản LATCA (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Phạm Vũ	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/06/2021)
Ông Nguyễn Kim Trường	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/06/2021)
Ông Nguyễn Minh Hoàn	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/06/2021)
Ông Lê Đức Thắng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/06/2021)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/06/2021)
Bà Đỗ Thị Hiền	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/06/2021)
Ông Bùi Gia Hường	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/12/2021)
Ông Đoàn Hoài Nam	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/12/2021)
Ông Bùi Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 15/12/2021)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Giang	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07/04/2021)
	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/12/2021)
Ông Đỗ Văn Chương	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 07/04/2021)
Bà Vũ Thị Dung	Phó giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/12/2021)
Ông Nguyễn Quyết Tâm	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/12/2021)
Ông Đoàn Hoài Nam	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06/12/2021)
Ông Đỗ Đức Hạnh	Phó giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/01/2022)

Ban kiểm soát

Bà Đỗ Thị Hải Yến	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 15/06/2021)
Bà Phan Thị Hồng Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 15/06/2021)
Bà Phan Thị Thanh Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 15/06/2021)
Bà Vũ Mai Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 05/12/2021)
Ông Đinh Ngọc Tú	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 15/12/2021)
Ông Trần Đình Kiên	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 15/06/2021)
Bà Lê Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 15/06/2021)

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Đoàn Hoài Nam, chức danh Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LATCA

15A lô 10a Khu đô thị Nam Trung Yên, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đoàn Hoài Nam

Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

11/3/2022
H
T
11/3/2022
10/3/2022

Số: ~~2603~~ 2022/BCTC-KTV/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LATCA

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản LATCA (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28/03/2022, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

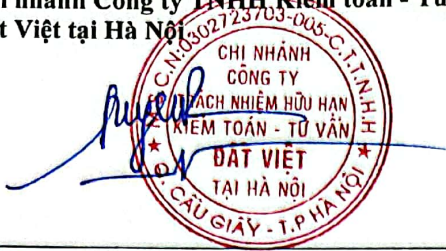
Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán và phát hành báo cáo kiểm toán số 255/2020/BCKT-TC/AVA ngày 18/03/2021 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



11/1
11/1
11/1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn
Đất Việt tại Hà Nội



ĐỖ THỊ THU HUYỀN – Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2991-2020-037-1

TRẦN THỊ THANH TÚ - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3372-2020-037-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.029.851.606	23.822.638.441
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.554.691	5.314.886.293
1. Tiền	111		19.554.691	5.314.886.293
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		22.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.8	22.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.010.296.915	6.662.687.197
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	3.955.296.360	2.881.420.069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	55.000.000	2.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	555	1.781.267.128
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	-	11.845.064.951
1. Hàng tồn kho	141		-	11.845.064.951
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.293.723	12.674.893.700
II. Tài sản cố định	220		109.168.211	12.501.152.597
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	109.168.211	12.501.152.597
- Nguyên giá	222		655.009.091	25.313.658.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(545.840.880)	(12.812.505.947)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.125.512	173.741.103
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	4.125.512	173.741.103
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.143.145.329	36.497.532.141

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.773.558.950	17.182.255.356
I. Nợ ngắn hạn	310		4.773.558.950	16.515.005.356
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.758.671.510	4.731.233.592
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.019.582.031
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.685.575.997	527.151.095
4. Phải trả người lao động	314		-	214.648.811
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9a	1.177.250.000	9.923.762.213
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		152.061.443	98.627.614
II. Nợ dài hạn	330		-	667.250.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9b	-	667.250.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.369.586.379	19.315.276.785
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	21.369.586.379	19.315.276.785
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		304.122.886	197.255.228
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.065.463.493	4.118.021.557
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.803.925.969	3.063.468.520
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.261.537.524	1.054.553.037
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26.143.145.329	36.497.532.141



Đoàn Hoài Nam
Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Tiên Đạt
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiên Đạt
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	29.279.999.879	29.104.351.092
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	29.279.999.879	29.104.351.092
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	26.310.364.759	25.115.243.373
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.969.635.120	3.989.107.719
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	209.635	250.751
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	748.682.111	1.197.302.730
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		748.682.111	1.197.302.730
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.000.000	1.324.578.600
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	314.829.164	308.320.610
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.904.333.480	1.159.156.530
11. Thu nhập khác	31		979.000.000	315.196.774
12. Chi phí khác	32		218.129.296	213.660.263
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	760.870.704	101.536.511
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.665.204.184	1.260.693.041
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	403.666.660	206.140.004
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.261.537.524	1.054.553.037



Đoàn Hoài Nam
Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Tiến Đạt
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Đạt
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		30.363.334.029	35.252.024.200
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(41.918.450.789)	(25.025.025.157)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(778.019.218)	(3.427.434.698)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(748.682.111)	(1.197.302.730)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(275.523.377)	(265.474.266)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.768.874.763	1.496.981.208
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(640.440.018)	(2.921.024.818)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.228.906.721)	3.912.743.739
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.145.250.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		546.000.000	400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(523.521.567)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		16.324.649.264	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		209.635	250.751
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.347.337.332	(744.999.249)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		10.159.229.098	15.016.886.399
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(19.572.991.311)	(15.963.398.349)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.413.762.213)	(946.511.950)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.295.331.602)	2.221.232.540
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.314.886.293	3.093.653.753
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	19.554.691	5.314.886.293



Đoàn Hoài Nam
Giám đốc
Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Tiến Đạt
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Đạt
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Khoáng sản LATCA (gọi tắt là “Công ty”) thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0105897161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 22/05/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 22/12/2021.

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ: 15A Lô 10a Khu đô thị Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất và chế biến các sản phẩm bột đá.

Ngành nghề kinh doanh chính:

Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá); Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít. Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít; Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bột đá, đá mài; Sản xuất sắt, thép, gang;- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản nhà nước cấm); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. Chi tiết: Thăm dò khoáng sản (trừ khoáng sản nhà nước cấm); Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Điện thoại cố định, điện thoại đề nghị động, máy fax, thiết bị viễn thông khác; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp; - Xây dựng công trình cửa; - Xây dựng công trình thể thao ngoài trời; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, xây dựng bể bơi ngoài trời; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Kinh doanh hàng hóa viễn thông; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021 Công ty đã tách toàn bộ dây chuyền sản xuất, chế biến các sản phẩm bột đá - là ngành nghề kinh doanh chính của Công ty để thành lập 02 Công ty con là Công ty TNHH MTV Khoáng sản DG và Công ty TNHH MTV Thương mại DG. Sau đó Công ty chuyển nhượng 02 Công ty này và dùng toàn bộ số tiền thu được để mua cổ phần của 03 Công ty: Công ty Cổ phần Đức Mạnh, Công ty Cổ phần APPATEX và Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghiệp Hồng Hà.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là: 07 người (tại ngày 31/12/2020 là 26 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

II. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Giả thiết về hoạt động liên tục

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty vẫn đang tiến hành lập Báo cáo tài chính trên giả định hoạt động liên tục.

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LATCA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay, phải thu khác, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chuyển đổi và cổ phiếu ưu đãi.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

Nợ phải thu quá hạn thanh toán:

	Mức trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Nợ phải thu khác:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc, thiết bị	06 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Trang thiết bị quản lý	05 - 06

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	7.504.755	2.197.802.899
- Tiền gửi ngân hàng	12.049.936	3.117.083.394
Cộng	19.554.691	5.314.886.293

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Hoàng Minh Ánh	3.653.405.360	-
- Công ty Cổ phần Hải Anh Phú Thọ	-	2.255.000.000
- Phải thu các khách hàng khác	301.891.000	626.420.069
Cộng	3.955.296.360	2.881.420.069

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ và Thương mại Ân Việt	-	2.000.000.000
- Công ty TNHH Kiểm Toán VACO	55.000.000	-
Cộng	55.000.000	2.000.000.000

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tạm ứng	-	-	1.768.874.763	-
- Bảo hiểm xã hội	555	-	12.392.365	-
Cộng	555	-	1.781.267.128	-

5. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	6.052.234.091	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	567.416.604	-
- Thành phẩm	-	-	46.217.780	-
- Hàng hóa	-	-	5.179.196.476	-
Cộng	-	-	11.845.064.951	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

6. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.298.236	-
- Các chi phí khác	2.827.276	173.741.103
Cộng	<u>4.125.512</u>	<u>173.741.103</u>

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	4.280.926.078	19.642.268.830	1.390.463.636	25.313.658.544
Thanh lý, nhượng bán	-	1.074.000.000	-	1.074.000.000
Giảm khác (*)	4.280.926.078	18.568.268.830	735.454.545	23.584.649.453
Số dư cuối năm	-	-	655.009.091	655.009.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	3.516.202.106	8.197.408.918	1.098.894.923	12.812.505.947
Khấu hao trong năm	79.029.780	867.996.258	109.168.176	1.056.194.214
Giảm khác (*)	3.595.231.886	9.065.405.176	662.222.219	13.322.859.281
Số dư cuối năm	-	-	545.840.880	545.840.880
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	764.723.972	11.444.859.912	291.568.713	12.501.152.597
Tại ngày cuối năm	-	-	109.168.211	109.168.211

(*) Chi tiết TSCĐ giảm trong năm:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca số 1506/2021/LMC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2021 quyết định thông qua việc đầu tư hoặc bán tài sản tại nhà máy của Công ty và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trong đó có việc được quyền quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất của Công ty.

- Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca số 1407/2021/LMC/NQ-HĐQT ngày 14/07/2021 quyết định thành lập Công ty con là Công ty TNHH MTV Khoáng sản DG. Vốn góp hình thành từ việc chia tách tài sản của Công ty, trong đó tổng nguyên giá của các TSCĐ dùng để góp vốn là 23.452.831.271 đồng, giá trị còn lại là 10.199.542.694 đồng.

- Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca số 2709/2021/LMC/NQ-HĐQT ngày 27/09/2021 quyết định thành lập công ty con là Công ty TNHH MTV Thương mại DG. Vốn góp hình thành từ việc chia tách tài sản của Công ty, trong đó tổng nguyên giá của các TSCĐ dùng để góp vốn là 131.818.182 đồng, giá trị còn lại là 62.247.478 đồng.

Tại 31/12/2021 thì Công ty đã giảm toàn bộ tài sản của dây chuyền sản xuất, chế biến các sản phẩm bột đá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

8. Chứng khoán kinh doanh

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
- Công ty CP Đức Mạnh (1)	8.000.000.000			
- Công ty Cổ phần APPATEX (2)	10.000.000.000			
- Công ty CP Tập đoàn Công nghiệp Hồng Hà (3)	4.000.000.000			
Cộng	22.000.000.000			

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2021. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca số 1512/2021/LMC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/12/2021 thông qua việc đầu tư mua cổ phần của công ty khác với nội dung: đồng ý đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần APPATEX và ủy quyền cho HĐQT ra quyết định đầu tư trong trường hợp HĐQT nhận thấy cơ hội đầu tư khác phù hợp hơn và giá trị đầu tư có thể vượt quá 35% tổng tài sản của Công ty.

(1) Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đức Mạnh theo các văn bản sau:

Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca số 0712/2021/NQ-HĐQT ngày 07/12/2021 quyết định thông qua việc đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đức Mạnh, chi tiết:

- Số cổ phần chuyển nhượng: 500.000 cổ phần. Giá trị chuyển nhượng: 5.000.000.000 đồng.

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

- Người chuyển nhượng: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca số 2412/2021/NQ-HĐQT ngày 24/12/2021 quyết định thông qua việc đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đức Mạnh, chi tiết

- Người chuyển nhượng: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Số cổ phần chuyển nhượng: 300.000 cổ phần. Giá trị chuyển nhượng: 3.000.000.000 đồng.

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Tại 31/12/2021 thì số tiền Công ty sử dụng để mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Đức Mạnh là 8.000.000.000 đồng, Công ty năm giữ 800.000 cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

(2) Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần APPATEX theo các văn bản sau:

Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca số 24/12/2021/NQ-HĐQT ngày 24/12/2021 quyết định thông qua việc đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần APPATEX

- Người chuyển nhượng: ông Nguyễn Tuấn Việt

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

- Số cổ phần chuyển nhượng: 1.000.000 cổ phần. Giá trị chuyển nhượng: 10.000.000.000 đồng

Tại 31/12/2021 thì số tiền Công ty sử dụng để mua cổ phần tại Công ty Cổ phần APPATEX là 10.000.000.000 đồng. Công ty nắm giữ 1.000.000 cổ phần tương ứng với tỷ lệ sở hữu 7,78%.

(3) Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghiệp Hồng Hà theo văn bản sau:

Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca số 29/12/2021/NQ-HĐQT ngày 29/12/2021 quyết định thông qua việc đầu tư mua cổ phần của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghiệp Hồng Hà:

- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

- Người chuyển nhượng: ông Nguyễn Tiến Đạt, số cổ phần chuyển nhượng 300.000 cổ phần, giá trị chuyển nhượng: 3.000.000.000 đồng

- Người chuyển nhượng: ông Hoàng Đình Trung, số cổ phần chuyển nhượng 100.000 cổ phần, giá trị chuyển nhượng: 1.000.000.000 đồng

Tại 31/12/2021 thì số tiền Công ty sử dụng để mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghiệp Hồng Hà là 4.000.000.000 đồng, Công ty nắm giữ 400.000 cổ phần

Thông tin chi tiết về các Công ty đầu tư mua cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Đầu tư vào công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đức Mạnh	số 55 đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phù Lý, tỉnh Hà Nam	20%	20%	Gia công, Sản xuất hàng may mặc
Công ty Cổ phần APPATEX	Phố Cà, xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	7,78%	7,78%	Gia công may mặc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghiệp Hồng Hà	Tầng 12, toà nhà Hồng Hà Center, số 25 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	13,33%	13,33%	Sản xuất và cung ứng carrier, bobbin, sản phẩm chi tiết nhựa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

9. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	1.177.250.000	1.177.250.000	10.826.479.098	19.572.991.311	9.923.762.213	9.923.762.213
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Yên Bái	-	-	4.602.129.098	9.739.202.141	5.137.073.043	5.137.073.043
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam	-	-	200.000.000	1.499.689.170	1.299.689.170	1.299.689.170
- Vay cá nhân (*):	510.000.000	510.000.000	5.357.100.000	5.347.100.000	500.000.000	500.000.000
+ Ông Nguyễn Minh Hoàn	-	-	-	500.000.000	500.000.000	500.000.000
+ Ông Nguyễn Kim Trường	-	-	4.847.100.000	4.847.100.000	-	-
+ Ông Nguyễn Khánh	510.000.000	510.000.000	510.000.000	-	-	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	667.250.000	667.250.000	667.250.000	2.987.000.000	2.987.000.000	2.987.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Yên Bái	-	-	-	2.065.000.000	2.065.000.000	2.065.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (**)	667.250.000	667.250.000	667.250.000	922.000.000	922.000.000	922.000.000
b. Vay dài hạn	-	-	-	667.250.000	667.250.000	667.250.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (**)	-	-	-	667.250.000	667.250.000	667.250.000
Cộng	1.177.250.000	1.177.250.000	10.826.479.098	20.240.241.311	10.591.012.213	10.591.012.213

Chi tiết các khoản vay tại thời điểm ngày 31/12/2021 như sau:

(*) Khoản vay ngắn hạn của các cá nhân với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động Sản xuất kinh doanh; Lãi suất: 0%/năm.

(**) Khoản vay Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo các hợp đồng:

- Hợp đồng cho vay số 1502LAV-201800060 ngày 01/12/2018 ký giữa Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca. Số tiền cho vay là 3.300.000.000 đồng. Mục đích vay để mua dây chuyền sản xuất bột đá HCH1397. Thời hạn cho vay 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất 10%/năm.
- Hợp đồng cho vay số 1502LAV-201800060 ngày 09/12/2016 ký giữa Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Hoàn Kiếm và Công ty Cổ phần Khoáng sản Latca. Số tiền cho vay là 485.000.000 đồng. Mục đích vay để 01 xe ô tô Mazda sản xuất năm 2016, mới 100% màu trắng. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất 10%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB	747.723.164	747.723.164	747.723.164	747.723.164
- Công ty TNHH Thương Mại DG	673.445.280	673.445.280	-	-
- Hợp tác xã Hà Phương	-	-	1.203.519.564	1.203.519.564
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Bao Bì Yên Bái	-	-	595.889.050	595.889.050
- Các khách hàng khác	337.503.066	337.503.066	2.184.101.814	2.184.101.814
Cộng	1.758.671.510	1.758.671.510	4.731.233.592	4.731.233.592

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải nộp cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Thuế giá trị gia tăng	331.388.524	1.352.007.751	401.486.938	1.281.909.337	1.281.909.337	1.281.909.337
Thuế thu nhập doanh nghiệp	191.827.690	487.362.347	275.523.377	403.666.660	403.666.660	403.666.660
Thuế thu nhập cá nhân	3.934.881	-	3.934.881	-	-	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	102.057.701	102.057.701	-	-	-
Cộng	527.151.095	1.945.427.799	787.002.897	1.685.575.997	1.685.575.997	1.685.575.997

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

12. Vốn chủ sở hữu

12.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC				
Số dư đầu năm	15.000.000.000	102.676.507	3.205.336.602	18.308.013.109
Lãi trong năm	-	-	1.054.553.037	1.054.553.037
Trích lập các quỹ	-	94.578.721	-	94.578.721
Phân phối lợi nhuận	-	-	141.868.082	141.868.082
Số dư cuối năm	15.000.000.000	197.255.228	4.118.021.557	19.315.276.785
NĂM NAY				
Số dư đầu năm	15.000.000.000	197.255.228	4.118.021.557	19.315.276.785
Lãi trong năm	-	-	2.261.537.524	2.261.537.524
Tăng do trích lập quỹ	-	106.867.658	-	106.867.658
Phân phối lợi nhuận	-	-	160.301.487	160.301.487
Giảm khác	-	-	153.794.101	153.794.101
Số dư cuối năm	15.000.000.000	304.122.886	6.065.463.493	21.369.586.379

12.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Năm nay VND	Tỷ lệ (%)	Năm trước VND
Ông Nguyễn Đức Giang	-	-	10,00	1.500.000.000
Ông Nguyễn Phạm Vũ	-	-	7,52	1.128.000.000
Cổ đông khác	100,00	15.000.000.000	82,48	12.372.000.000
	100,00	15.000.000.000	100,00	15.000.000.000

12.3 Cổ phiếu

	Cuối năm Cổ phiếu	Đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

- Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm trước đã được tính lại do Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 1506/2021/LMC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2021 và dừng kế hoạch phát hành cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 1512/2021/LMC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/12/2021
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay dự tính bằng mức trích năm 2019 và năm 2020 là 5% lợi nhuận sau thuế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	29.279.999.879	29.104.351.092
- Doanh thu bán hàng hóa	28.573.903.658	310.408.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	706.096.221	28.793.943.092
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	<u>29.279.999.879</u>	<u>29.104.351.092</u>

Trong đó doanh thu với các bên liên quan xem chi tiết tại thuyết minh VII.1

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.309.062.225	305.239.614
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp và thành phẩm đã bán	2.001.302.534	24.810.003.759
Cộng	<u>26.310.364.759</u>	<u>25.115.243.373</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	209.635	250.751
Cộng	<u>209.635</u>	<u>250.751</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	748.682.111	1.197.302.730
Cộng	<u>748.682.111</u>	<u>1.197.302.730</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.000.000	23.880.000
- Chi phí khác	-	1.300.698.600
Cộng	<u>2.000.000</u>	<u>1.324.578.600</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	206.802.320	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	686.800	14.133.554
- Thuế, phí, lệ phí	19.716.588	6.006.105
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.159.820	255.067.898
- Chi phí quản lý khác	67.463.636	33.113.053
Cộng	314.829.164	308.320.610

7. Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	979.000.000	315.196.774
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	546.000.000	314.053.025
- Thu nhập khác	433.000.000	1.143.749
Chi phí khác	218.129.296	213.660.263
- Tiền phạt thuế, chậm nộp thuế	116.808.081	211.735.559
- Chi phí khác	101.321.215	1.924.704
Lợi nhuận khác	760.870.704	101.536.511

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	2.665.204.184	1.260.693.041
<i>Điều chỉnh tăng</i>	<i>218.129.296</i>	<i>211.735.559</i>
Chi phí loại trừ khi tính thuế	218.129.296	211.735.559
<i>Điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận tính thuế TNDN	2.883.333.480	1.472.428.600
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	2.883.333.480	1.472.428.600
Thuế TNDN được miễn, giảm	173.000.036	88.345.716
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	403.666.660	206.140.004

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.731.188	15.058.490.418
- Chi phí nhân công	656.495.927	4.036.199.189
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.056.194.214	2.173.990.699
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	428.530.145	5.135.678.744
- Chi phí khác bằng tiền	67.463.636	37.820.861
Cộng	2.298.415.110	26.442.179.911

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản DG	Công ty con (đã thoái hết vốn)
- Công ty TNHH MTV Thương mại DG	Công ty con (đã thoái hết vốn)
- Ông Nguyễn Minh Hoàn	Thành viên HĐQT - miễn nhiệm 15/6/2021
- Ông Nguyễn Kim Trường	Thành viên HĐQT - miễn nhiệm 15/6/2021

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Khoáng sản DG	Góp vốn	12.500.000.000	-
	Thoái vốn	12.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại DG	Góp vốn	3.824.649.264	-
	Thoái vốn	3.824.649.264	-
Ông Nguyễn Minh Hoàn	Vay tiền	-	500.000.000
	Trả tiền vay	500.000.000	-
Ông Nguyễn Kim Trường	Vay tiền	4.847.100.000	-
	Trả tiền vay	4.847.100.000	-

Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Khoáng sản DG	Chứng khoán kinh doanh	-	-
Công ty TNHH MTV Thương mại DG	Chứng khoán kinh doanh	-	-
Ông Nguyễn Minh Hoàn	Vay và nợ thuê tài chính	-	-
Ông Nguyễn Kim Trường	Vay và nợ thuê tài chính	-	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	-	216.527.200
Cộng	-	-

2. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

2.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	19.554.691	5.314.886.293
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.955.296.915	4.662.687.197
- Đầu tư ngắn hạn	22.000.000.000	-
	-	-
Cộng	25.974.851.606	9.977.573.490
Nợ phải trả tài chính		
- Các khoản vay	1.177.250.000	10.591.012.213
- Phải trả người bán và phải trả khác	1.758.671.510	4.731.233.592
- Chi phí phải trả	-	-
Cộng	2.935.921.510	15.322.245.805

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

2.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

2.3.1 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

2.3.2 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

2.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

2.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm – 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại ngày 31/12/2021			
- Các khoản vay	1.177.250.000	-	1.177.250.000
- Phải trả người bán và phải trả khác	1.758.671.510	-	1.758.671.510
- Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	2.935.921.510	-	2.935.921.510
Tại ngày 01/01/2021			
- Các khoản vay	9.923.762.213	667.250.000	10.591.012.213
- Phải trả người bán và phải trả khác	4.731.233.592	-	4.731.233.592
- Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	14.654.995.805	667.250.000	15.322.245.805
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại ngày 31/12/2021			
- Tiền và các khoản tương đương tiền	19.554.691	-	19.554.691
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.955.296.915	-	3.955.296.915
- Đầu tư ngắn hạn	22.000.000.000	-	22.000.000.000
- Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	25.974.851.606	-	25.974.851.606
Tại ngày 01/01/2021			
- Tiền và các khoản tương đương tiền	5.314.886.293	-	5.314.886.293
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.662.687.197	-	4.662.687.197
- Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
- Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	9.977.573.490	-	9.977.573.490

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Căn cứ theo nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 11/02/2022 về việc bán cổ phần đầu tư tại Công ty CP Tập đoàn Công nghiệp Hồng Hà; Số cổ phần chuyển nhượng: 400.000 cổ phần; Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần tương đương với tổng giá trị: 4.000.000.000 đồng. Tính tới thời điểm hiện tại; Công ty đã bán toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty CP Tập đoàn Hồng Hà với 400.000 cổ phần và thu về số tiền tương đương 4.000.000.000 đồng.

4. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2021.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.



Đoàn Hoài Nam
Giám đốc
Ngày 28 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Tiến Đạt
Kế toán trưởng

Nguyễn Tiến Đạt
Người lập biểu